

Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ29,500
Tiềm năng tăng/giảm: 20.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/1/2025)	24,450
Mã Bloomberg	SSI VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	23,109-30,564
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	24,500
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	47,971
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,898
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,962
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,962
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,112
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	43.0%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	Securities Group Inc. (15.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	69,241	78,242	93,352
Cho vay ký quỹ (tỷ đồng)	15,134	19,977	23,173
Doanh thu HĐ (tỷ đồng)	7,157	7,202	8,492
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	2,320	2,826	3,304
BVPS (đồng)	15,390	13,580	13,857
EPS (đồng)	1,552	1,502	1,561
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000
T.trưởng tổng tài sản (%)	32.6	13.0	19.3
T.trưởng c.vay KQ (%)	36.9	32.0	16.0
T.trưởng DT HĐ (%)	13.0	0.63	17.9
Tăng trưởng EPS (%)	36.2	(3.19)	3.93
Tăng trưởng DPS (%)	(0.99)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	64.4	66.6	64.0
ROAE (%)	10.2	11.4	11.8
ROAA (%)	3.82	3.83	3.85
Tỷ lệ CIR (%)	38.7	29.9	25.8
Lãi suất cho vay BQ (%)	0.12	0.11	0.11
Vòng quay tổng TS (%)	11.8	9.77	9.90
Đòn bẩy vốn (%)	300	294	317
Thị phần môi giới CP (%)	10.4	9.50	10.2
P/E (lần)	15.8	16.3	15.7
P/B (lần)	1.59	1.80	1.76
Lợi suất cổ tức (%)	4.09	4.09	4.09

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

SSI là một trong những công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam, với thị phần khoảng 10%. Công ty phát triển cân bằng giữa nhóm khách hàng cá nhân và tổ chức

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Lợi nhuận Q4 kém tích cực do thanh khoản thấp, sát với dự báo

- SSI đã công bố LNTT Q4/2024 đạt 547 tỷ đồng, giảm 11% so với cùng kỳ và giảm 44% so với quý trước, chủ yếu do lợi nhuận nghiệp vụ môi giới và lãi hoạt động tự doanh kém tích cực, trong khi mảng cho vay ký quỹ vẫn mạnh mẽ.
- LNTT cả năm 2024 của SSI đạt 3.536 tỷ đồng, tăng trưởng 25% và bằng 101% dự báo của chúng tôi.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 7% trong 1 tháng qua, SSI đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,7 lần, thấp hơn 0,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ Q4/2020 ở mức 17,7 lần và thấp hơn một chút so với bình quân ngành ở mức 15,9 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo cho SSI.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024 vào ngày 20/1/2025

SSI đã công bố LNTT Q4/2024 đạt 547 tỷ đồng, giảm 11% so với cùng kỳ và giảm 44% so với quý trước, do mảng nghiệp vụ môi giới kém tích cực (LNTT đạt 8 tỷ đồng, giảm 53% so với cùng kỳ) và lãi hoạt động tự doanh khiêm tốn (424 tỷ đồng, giảm 38% so với cùng kỳ). Về mặt tích cực, lãi cho vay ký quỹ vẫn mạnh mẽ, đạt 571 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ).

Những kết quả này sát với dự báo của chúng tôi, đồng thời cho thấy tình hình thanh khoản kém tích cực trên thị trường trong Q4/2024. Tuy nhiên, dư nợ cho vay ký quỹ của ngành chứng khoán, bao gồm SSI, vẫn duy trì ở mức cao.

Tính chung cả năm 2024, LNTT đạt 3.536 tỷ đồng, tăng trưởng 25% và bằng 101% dự báo cả năm của chúng tôi. Hệ số ROE cải thiện lên 11,4% từ 10,2% trong năm 2023.

Mảng nghiệp vụ môi giới sụt giảm do giá trị giao dịch bình quân thấp

Trong Q4/2024, doanh thu thuần nghiệp vụ môi giới giảm 15% so với cùng kỳ và giảm 6% so với quý trước xuống 319 tỷ đồng trong bối cảnh giá trị giao dịch bình quân ngày giảm 6% so với quý trước xuống 17,6 nghìn tỷ đồng từ 18,7 nghìn tỷ đồng trong Q3/2024. Tác động tiêu cực từ sự sụt giảm của thanh khoản thị trường lớn hơn tác động tích cực từ sự phục hồi về thị phần môi giới cổ phiếu của SSI (tăng 40 điểm cơ bản so với quý trước nhưng vẫn giảm 60 điểm cơ bản so với cùng kỳ đạt 9,2%).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q4/2024, SSI

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	% so với cùng kỳ	2023	2024	Tăng trưởng	% HSC dự báo
Tổng thu nhập HĐ	1,095	995	-9%	4,698	5,225	11%	97%
Môi giới	17	8	-53%	186	358	92%	99%
Cho vay ký quỹ	439	571	30%	1,568	2,079	33%	108%
HĐ tự doanh	683	424	-38%	2,920	2,719	-7%	90%
Khác	(44)	(8)	-82%	23	68	196%	103%
Lỗ tài chính	(382)	(394)	3%	(1,533)	(1,450)	-5%	93%
Chi phí HĐ	(98)	(80)	-18%	(346)	(267)	-23%	82%
Thu nhập khác	1	0	-100%	0	1		
LNTT	616	547	-11%	2,820	3,536	25%	101%
Lợi nhuận thuần	489	334	-32%	2,269	2,784	23%	99%

Nguồn: SSI, HSC

Trong khi đó, chi phí nghiệp vụ môi giới giảm 13% so với cùng kỳ nhưng tăng 6% so với quý trước. Từ đó, lợi nhuận nghiệp vụ môi giới giảm mạnh 53% so với cùng kỳ và giảm 82% so với quý trước, chỉ đạt 8 tỷ đồng trong Q4/2024, so với 17 tỷ đồng trong Q4/2023.

Tỷ lệ phí giữ lại của SSI (phí thuần/phí gộp) giảm xuống 2% từ 13% trong Q3/2024 và 5% trong Q4/2023, do thanh khoản thị trường kém tích cực. HSC kỳ vọng thanh khoản thị trường cải thiện trong năm 2025 sẽ hỗ trợ doanh thu nghiệp vụ môi giới & tỷ lệ phí giữ lại của SSI.

Mảng cho vay ký quỹ vẫn tích cực nhờ dư nợ cao

Lãi từ cho vay ký quỹ tăng 30% so với cùng kỳ và tăng 4% so với quý trước trong Q4/2024 đạt 571 tỷ đồng nhờ dư nợ cho vay ký quỹ tăng 45% so với cùng kỳ và tăng 13% so với quý trước lên mức cao kỷ lục là 22 nghìn tỷ đồng từ 19,5 nghìn tỷ đồng trong Q3/2024.

Sau khi tăng vốn 10% trong Q4/2024 (thông qua phát hành quyền chọn), tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH của SSI trong Q4/2024 giảm xuống 85%, thấp hơn bình quân ngành ở mức khoảng 100%, điều này phản ánh chiến lược thận trọng của SSI.

Lãi suất cho vay ký quỹ vẫn ổn định so với quý trước ở mức 11% nhưng thấp hơn mức 11,9% trong Q4/2023. Tương tự, chi phí huy động cũng đi ngang so với quý trước ở mức 3,5%. Từ đó, tỷ lệ NIM giảm nhẹ xuống 7,5% từ 7,6% trong Q3/2024.

Thu nhập đầu tư sụt giảm do thực hiện hóa lỗ trái phiếu

Lãi hoạt động tự doanh Q4/2024 giảm 38% so với cùng kỳ và giảm 45% so với quý trước xuống 424 tỷ đồng, chủ yếu do lãi từ tài sản tài chính FVTPL giảm 37% so với cùng kỳ và giảm 48% so với quý trước xuống 388 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là do khoản lỗ chưa thực hiện 252 tỷ đồng đến từ việc định giá lại giá trị trái phiếu trong bối cảnh mặt bằng lãi suất cao hơn với lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Việt Nam tăng từ 2,7% lên 3,1% trong Q4/2024.

Trong khi đó, lợi nhuận đã thực hiện hóa và thu nhập từ cổ tức/lãi lần lượt đạt 227 tỷ đồng (tăng 50% so với cùng kỳ) và 413 tỷ đồng (giảm 24% so với cùng kỳ).

Tài sản tài chính FVTPL tại thời điểm cuối Q4/2024 tăng 14% so với quý trước nhưng giảm 4% so với cùng kỳ đạt 42 nghìn tỷ đồng, tương đương 58% tổng tài sản. Danh mục này vẫn tập trung nhiều vào tài sản thu nhập cố định, bao gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu (chủ yếu phát hành bởi các NHTM có vốn nhà nước) chiếm lần lượt 36% và 58%, trong khi phần tỷ trọng còn lại chủ yếu là cổ phiếu các công ty niêm yết. Lợi suất danh mục giảm xuống 6,3% từ lần lượt 7,2% và 7,8% trong Q3/2024 và Q4/2023.

Trong khi đó, tổng tài sản tài chính HTM và AFS vẫn tương đối thấp, lần lượt ở mức 3,8 nghìn tỷ đồng và 0,5 nghìn tỷ đồng. Tài sản tài chính HTM bao gồm tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn dưới 1 năm, với lợi suất cao hơn tài sản tài chính FVTPL, trong khi tài sản tài chính AFS bao gồm các cổ phiếu chưa niêm yết SSI nắm giữ để đầu tư dài hạn. Lãi từ tài sản tài chính HTM (69 tỷ đồng lợi nhuận trong Q4/2024, giảm 39% so với cùng kỳ) chỉ đóng góp một phần nhỏ vào tổng thu nhập đầu tư của SSI.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu giảm 7% trong 1 tháng qua, SSI đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,7 lần, thấp hơn 0,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ Q4/2020 ở mức 17,7 lần và thấp hơn một chút so với bình quân ngành ở mức 15,9 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo cho SSI.

SSI đã hoàn thành kế hoạch năm 2024 và dự báo của chúng tôi, nhờ quy mô lớn của Công ty, hoạt động kinh doanh đa dạng cùng vị thế tài chính vững chắc. HSC vẫn lạc quan về triển vọng của SSI trong thời gian tới và giữ nguyên khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo. Tuy nhiên, chúng tôi đang theo

dối sự sụt giảm về thị phần của SSI, giảm xuống 9,18% trong năm 2024 từ 10,44% trong năm 2023, điều này cho thấy tình hình cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKDK (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu HĐ môi giới CK	1,707	1,502	1,201	1,479	1,641
Lãi cho vay ký quỹ	1,801	1,568	1,931	2,373	2,995
Doanh thu HĐ tự doanh	2,440	3,647	3,547	4,108	6,281
Phí bảo lãnh phát hành	-	-	-	-	-
Thu nhập dịch vụ tư vấn	77.0	50.0	55.0	64.0	73.0
Thu nhập HĐ khác	311	390	468	468	515
Doanh thu HĐ	6,336	7,157	7,202	8,492	11,505
Chi phí HĐ	(3,001)	(2,771)	(2,152)	(2,187)	(3,941)
Lợi nhuận HĐ	3,335	4,386	5,050	6,305	7,564
Lợi nhuận tài chính	(1,235)	(1,514)	(1,563)	(2,228)	(2,469)
Lợi nhuận khác	10.0	1.00	1.00	1.00	1.00
LNTT	2,110	2,873	3,488	4,078	5,096
Chi phí thuế TNDN	(412)	(554)	(663)	(775)	(969)
LNST	1,698	2,319	2,825	3,303	4,127
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)
Lợi nhuận thuần	1,699	2,320	2,826	3,304	4,128

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,418	494	1,391	9,447	12,040
Phải thu	416	590	471	581	644
Phải thu dịch vụ & phải thu khác	1,496	109	40.8	104	141
Tài sản tài chính	45,402	64,562	72,905	79,684	98,232
FVTPL	30,493	44,072	47,598	50,930	61,116
HTM	3,508	4,973	4,973	5,222	5,483
Cho vay ký quỹ	11,057	15,134	19,977	23,173	31,284
AFS	382	416	460	552	662
Dự phòng	(37.3)	(32.7)	(103)	(193)	(313)
Đầu tư dài hạn	2,773	2,821	2,821	2,821	2,821
HTM	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD, LK	617	650	650	650	650
Đầu tư dài hạn khác	2,156	2,172	2,172	2,172	2,172
Tài sản cố định	282	269	296	326	359
Tài sản khác	439	395	316	389	432
Tổng tài sản	52,226	69,241	78,242	93,352	114,668
Nợ phải trả và vốn CSH					
Vay ngắn hạn	27,892	43,169	49,213	61,024	80,551
Trái phiếu ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả hoạt động	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả khác	1,950	2,832	2,262	2,787	3,091
Nợ phải trả	29,843	46,000	51,475	63,811	83,642
Vốn chủ sở hữu	22,245	23,100	26,630	29,405	30,890
Vốn điều lệ	14,911	15,011	19,615	21,216	21,316
Thặng dư vốn cổ phần	3,299	3,299	4,050	4,050	4,050
Lợi nhuận giữ lại	3,954	4,696	2,464	3,355	4,410
Quỹ & vốn khác của CSH	99.7	113	502	784	1,114
Lợi ích cổ đông thiểu số	139	141	137	136	135
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	52,226	69,241	78,242	93,352	114,668

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng (so với cùng kỳ)					
Tăng trưởng tổng TS (%)	2.82	32.6	13.0	19.3	22.8
Tăng trưởng cho vay (%)	(53.3)	36.9	32.0	16.0	35.0
Tăng trưởng TS tài chính khác (%)	17.1	(10.0)	(20.1)	23.2	10.9
Tăng/giảm nợ ngắn hạn (%)	(10.4)	54.8	14.0	24.0	32.0
Tăng trưởng VCSH (%)	57.1	3.84	15.3	10.4	5.05
Tăng trưởng doanh thu HĐ (%)	(14.9)	13.0	0.63	17.9	35.5
Tăng/giảm chi phí HĐ (%)	12.2	7.66	22.3	1.63	80.2
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	(17.1)	31.5	15.1	24.9	20.0
Tăng trưởng LNTT (%)	(37.3)	36.2	21.4	16.9	25.0
Tăng trưởng LNST (%)	(37.0)	36.6	21.8	16.9	24.9
Tăng trưởng LN thuần (%)	(37.0)	36.6	21.8	16.9	24.9
Định giá					
P/E (lần)	21.5	15.8	16.3	15.7	12.6
P/B (lần)	1.64	1.59	1.80	1.76	1.69
Lợi suất cổ tức (%)	4.13	4.09	4.09	4.09	4.91
Chỉ số chính: Chỉ số CP và Chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số CP					
EPS (đồng)	1,140	1,552	1,502	1,561	1,942
DPS (đồng)	1,010	1,000	1,000	1,000	1,200
BVPS (đồng)	14,920	15,390	13,580	13,857	14,489
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,491	1,495	1,881	2,116	2,126
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,491	1,501	1,961	2,122	2,132
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,789	1,794	1,881	2,116	2,126
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	3.30	3.82	3.83	3.85	3.97
ROAE (%)	9.33	10.2	11.4	11.8	13.7
Lãi suất cho vay ký quỹ BQ (%)	10.4	12.0	11.0	11.0	11.0
Chi phí vay nợ BQ (%)	3.50	4.40	3.60	4.60	4.60
Phí môi giới thuần (%)	0.02	0.01	0.02	0.02	0.03
Lợi suất TSTC HTM (%)	-	-	-	-	-
Lợi suất HĐ tự doanh (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ CIR (%)	47.4	38.7	29.9	25.8	34.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	88.6	64.4	66.6	64.0	61.8
Thị phần					
Thị phần môi giới cổ phiếu (%)	9.80	10.4	9.50	10.2	10.8
Thị phần môi giới KH nước ngoài (%)	-	-	-	-	-
Thị phần môi giới KH cá nhân (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ đòn bẩy					
Tổng nợ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Cho vay ký quỹ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	-	-	-	-	-
Số lượng nhân viên	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn